

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2025/HS-PT
Ngày 14 - 8 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Chí Thiện

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Hải Anh

Ông Trương Quyết Thắng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Khánh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:** Bà Lò Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 14/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 24/2025/TLPT-HS ngày 12/6/2025 đối với bị cáo Bùi Thị C, Lê Thị T, Lê Thị Đ, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2025/HS-ST ngày 06/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện V (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8), tỉnh Lào Cai.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Bùi Thị C**; Sinh ngày 05/6/1975 tại huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

Nơi cư trú: Thôn 2 M, xã M, huyện V (nay là xã M), tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Thế C và bà Đ Thị M (đều đã chết); có chồng là Vũ Đình C và có 02 con, lớn sinh năm 1994; nhỏ sinh năm 1998. Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 19/12/2024 đến ngày 28/12/2024. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

2. Họ và tên: **Lê Thị T**; Sinh ngày 13/12/1980 tại huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: Thôn 2 Minh Thượng, xã M, huyện V (nay là xã M), tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị L

(đều đã chết); Có chồng là Dương Văn S và có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2009. Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành Ch số 0004740/QĐ- XPHC ngày 28/02/2020 xử phạt bị cáo 1.000.000 đồng về hành vi Đánh bạc.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 19/12/2024 đến ngày 28/12/2024. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Họ và tên: **Lê Thị Đ**; Sinh ngày 10/11/1986 tại huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: Khu P, xã M, huyện Y (nay là xã M), tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị L (đều đã chết); có chồng Nguyễn Văn H và có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2007; Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 20/12/2024 đến ngày 28/12/2024. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

Bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị: Phạm Thị Thúy H Sinh ngày 14/11/1977 tại huyện Trấn Y, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: thôn 1 M, xã M, huyện V (nay là xã M), tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 18/12/2024, khi bị cáo Lê Thị T đang tổng hợp và chờ bị cáo Bùi Thị C xác nhận các bảng lô, đề do bị cáo T vừa gửi thì tổ công tác của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đến kiểm tra và bắt quả tang. Quá trình điều tra T khai nhận bản thân đang ghi xổ số cho khách và ghi lô, đề trái phép cho Bùi Thị C, T tự giác giao nộp 02 tờ lịch, trên một mặt có ghi các số lô, số đề mà T vừa chụp gửi cho C; 15 tờ lịch; 06 tờ giấy trắng; 01 chiếc bút bi màu xanh; 01 điện thoại di động OPPO Reno 7 màu vàng, số IMEI 1 862765050719918, số IMEI 2: 862765050719980, 01 điện thoại cũ đã qua sử dụng, bên trong không lắp sim; 01 chiếc điện thoại OPPO Reno 8, màu trắng, số IMEI 1: 866876062540394, số IMEI 2: 866876062540386, 01 điện thoại cũ đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 sim số: 0372.682.856 và số tiền 22.255.000 đồng.

Quá trình điều tra, tổ công tác làm việc đối với bị cáo Phạm Thị Thúy H, H đã khai nhận bản thân vừa có hành vi mua số lô, số đề trái phép của Bùi Thị C và tạm giữ 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max, màu tím, số 359265385598467 và 359265385112244, điện thoại cũ đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 sim số 0388.709.108. Cơ quan Cảnh sát điều tra ra lệnh khám xét khẩn cấp người, chỗ ở của Bùi Thị C, C tự giác giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy J5, màu vàng đồng, số IMEI lần lượt là:

352700074904409/01 và 352700074904407/01, điện thoại cũ đã qua sử dụng, bên trong lắp 02 sim số: 0966.303.199 và số 0845.220.789; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu vàng, số IMEI 354830094473099, điện thoại cũ đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 sim số: 0888.801.975 và số tiền 1.129.000 đồng; thu giữ 01 tờ giấy có ghi chữ “BẢNG KÊ SỐ DỰ THƯỜNG XỔ SỐ LÔ TÔ & CẤP SỐ” 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, ốp lưng màu đỏ, bên trong lắp 01 (một) sim (do điện thoại bị ngâm nước nên không kiểm tra được) 01 tờ giấy A4, trên giấy có ghi các chữ, số và tiền 14.000.000 đồng. Khám xét khẩn cấp người, chỗ ở của Lê Thị Đ, thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A77s, màu xanh, số IMEI 1: 866451064903659, số IMEI 2: 866451064903642, lắp sim số 0382.06.251.

Quá trình điều tra, T và Hằng khai nhận khoảng đầu tháng 12/2024 T, Hằng đã đến gặp C thỏa thuận mua bán số lô, số đề trái phép, như sau: T mua của C số lô với giá là 22.000 đồng/01 điểm, nếu trúng thì được 80.000 đồng/01 điểm; lô xiên 2 thì tỷ lệ thắng là 1:10 (*đánh 1.000 nếu trúng sẽ được 10.000*) đồng; đối với số đề thì tỷ lệ thắng là 1:70 và C sẽ trích lại cho T là 25% trên tổng số tiền đánh đề; Đối với Hằng sẽ mua số lô của C với giá là 22.500 đồng/01 điểm lô, nếu trúng thì được 80.000 đồng/01 điểm; đối với số đề thì tỷ lệ thắng là 1:70 (*đánh 1.000 nếu trúng sẽ được 70.000 nghìn*) đồng và C sẽ trích lại cho Hằng là 25% trên tổng số tiền đánh đề; số tiền thắng, thua sẽ thanh toán dựa trên kết quả mở thưởng Xổ số kiến thiết Miền Bắc.

Sau khi thống nhất, thỏa thuận với C, T thỏa thuận bán số lô với em gái là Lê Thị Đ với giá là 22.500 đồng/01 điểm lô, nếu trúng thì được 80.000 đồng 1 điểm; lô xiên 2 thì tỉ lệ thắng là 1:10; đối với số đề thì tỉ lệ thắng là 1:70 và T sẽ trích lại cho Đ là 10% trên tổng số tiền đánh đề. Số tiền thắng, thua sẽ thanh toán dựa trên kết quả mở thưởng Xổ số kiến thiết Miền Bắc bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản.

Lần thứ nhất:

Ngày 17/12/2024, Hằng sử dụng tài khoản Zalo tên là “Pham Hang” soạn tin nhắn với tổng số tiền mua số lô, số đề của C là 15.625.000 đồng.

Cùng ngày, Đ sử dụng tài khoản Zalo tên “Đ Lê” gửi 02 hình ảnh ghi 02 bảng lô trên giấy trắng có dòng kẻ đến tài khoản Zalo “Phát Tài” của T, tổng số tiền là 28.800.000 đồng. T chuyển tiếp 02 hình ảnh ghi 02 bảng lô với số tiền là 28.800.000 đồng.

T đánh số đề với số tiền là 530.000 đồng gửi vào Zalo của C và C "OK 3 bảng".

- Đối chiếu với kết quả mở thưởng ngày 17/12/2024, Hằng thua toàn bộ số lô, số đề.

- Đ trúng 595 điểm lô = 47.600.000 đồng và 28.800.000 đồng tiền gốc như vậy tổng số tiền của Đ mua của T và tiền trúng thưởng là 76.400.000 đồng.

- T trúng 595 điểm lô = 47.600.000 đồng (là điểm lô đã bán cho Đ) và 28.160.000 đồng Cộng 75.760.000 đồng và 530.000 đồng (đánh đề) Tổng cộng là 76.290.000 đồng.

Lần thứ hai:

Ngày 18/12/2024, Hằng mua số lô, số đề của C với tổng số tiền là 14.700.000 đồng.

Đ mua số lô, số đề của T với số tiền là 31.600.000 đồng.

T còn mua riêng số lô, số đề của C Tổng là 625 điểm lô và 9.450.000 đồng tiền đánh đề.

Còn lại 1.250 điểm lô, 400.000 đồng lô xiên 2 và 01 số đề 50.000 đồng của Đ, T đã chuyển đi cho C nhưng C chưa nhận thì bị Công an huyện V phát hiện bắt quả tang.

Kết luận giám định số 75 ngày 26/12/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai, nội dung kết luận giám định phù hợp với nội dung khai báo của các bị cáo và vật chứng thu giữ.

Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2025/HS-ST ngày 06/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện V (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8), tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị C, Lê Thị T, Lê Thị Đ phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 321; điểm s điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Lê Thị T 03 năm 02 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, khấu trừ cho bị cáo thời hạn tạm giữ từ ngày 19/12/2024 đến ngày 28/12/2024.

+ Xử phạt bị cáo Bùi Thị C 03 năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, khấu trừ cho bị cáo thời hạn tạm giữ từ ngày 19/12/2024 đến ngày 28/12/2024.

Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 321; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị Đ 03 năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, khấu trừ cho bị cáo thời hạn tạm giữ từ ngày 20/12/2024 đến ngày 28/12/2024.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 16/5/2025, bị cáo Bùi Thị C kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 19/5/2025 bị cáo Lê Thị T và bị cáo Lê Thị Đ kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Bùi Thị C, Lê Thị T, Lê Thị Đ giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm và đề nghị hội đồng xét xử.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Bùi Thị C, Lê Thị T, Lê Thị Đ, giảm hình phạt đối với các bị cáo như sau:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 54, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Lê Thị T từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Lê Thị Đ từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Bùi Thị C 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án tại cấp sơ thẩm đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tội danh.

Lời khai nhận tội của các bị cáo Bùi Thị C, Lê Thị T, Lê Thị Đ tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của bị cáo khác trong vụ án, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, biên bản kiểm tra điện thoại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định:

Trong các ngày 17 và 18/12/2024 các bị cáo Bùi Thị C, Lê Thị T, Lê Thị Đ đã có hành vi đánh bạc cù thẻ:

Đối với bị cáo Lê Thị Đ:

Ngày 17/12/2024 bị cáo mua số lô, số đề của bị cáo Lê Thị T là 28.800.000 đồng nhưng thực tế chỉ có 28.160.000 đồng, số tiền còn lại 640.000 đồng là tiền bị cáo góp giỡ. Bị cáo trúng thưởng 47.600.000 đồng, cộng là 75.760.000 đồng.

Ngày 18/12/2024 bị cáo mua số lô, số đề của bị cáo Lê Thị T là 31.600.000 đồng, cộng 02 lần là 107.360.000 đồng.

Đối với bị cáo Lê Thị T:

Ngày 17/12/2024 bị cáo mua số lô, số đề của bị cáo Bùi Thị C là 28.160.000 đồng, trúng thưởng 47.600.000 đồng, cộng là 75.760.000 đồng và 530.000 đồng tiền đề, cộng là 76.290.000 đồng.

Ngày 18/12/2024 bị cáo mua số lô, số đề của bị cáo Bùi Thị C là 23.200.000 đồng nhưng bị cáo C chưa đồng ý và mua của bị cáo Lê Thị Đ là 31.600.000 đồng, cộng 02 ngày là 107.890.000 đồng.

Đối với bị cáo Bùi Thị C:

Ngày 17/12/2024, bị cáo mua của bị cáo Phạm Thị Thúy H số tiền là 15.625.000 đồng, mua của bị cáo T 76.290.000 đồng, cộng là 91.915.000 đồng.

Ngày 18/12/2024, bị cáo bán cho bị cáo Phạm Thị Thúy H là 14.700.000 đồng. Bị cáo T có mua của bị cáo 23.200.000 đồng nhưng bị cáo chưa đồng ý, Tổng cộng hai ngày là 106.615.000 đồng.

Như vậy trong 02 ngày các bị cáo đã thực hiện hành vi đánh bạc nhiều lần (Bị cáo C là 106.615.000 đồng; bị cáo T là 107.890.000 đồng, bị cáo Đ là 107.360.000 đồng). Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến an toàn, trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, các bị cáo đều nhận thức rõ việc đánh bạc được thua bằng tiền dưới mọi hình thức là vi phạm pháp luật, thiếu ý thức tôn trọng pháp luật, trong thời gian ngắn các bị cáo đã thực hiện hành vi đánh bạc nhiều lần trong đó có 01 lần trên 50.000.000 đồng. Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2025/HS-ST ngày 06/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện V; Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 321; điểm s điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự xét xử các bị cáo về tội đánh bạc là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tuy nhiên Bản án hình sự sơ thẩm đã nhận định bị cáo T thực hiện hành vi đánh bạc 03 lần và phạm tội không có tính chất đồng phạm là không Ch xác (theo quy định Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP, ngày 22/10/2010). Các bị cáo đã lập công trong việc tố giác tội phạm tuy nhiên cá p sơ thẩm căn cứ điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không Ch xác, trường hợp này thuộc điểm u khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mới đúng. Tuy nhiên những sai sót này không ảnh hưởng đến bản chất của vụ án, mức án mà cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp với tính chất, mức độ về hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần rút kinh nghiệm.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo xin giảm hình phạt tù và hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự, trong đó:

Bị cáo Bùi Thị C có bố đẻ là ông Bùi Thế C được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì và có Giấy chứng nhận tham gia hỏa tuyến. Bị cáo tích cực tham gia hoạt động từ thiện tại huyện V và có công cứu người gặp nạn, tự giác giao nộp cho cơ quan điều tra 36.927.500 đồng. Trong quá trình điều tra, bị cáo phát hiện tội phạm đã tố giác với Công an phường B, trên cơ sở đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai đã bắt giữ được đối tượng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và tiến hành khởi tố vụ án và khởi tố bị can. Ngoài ra bị cáo có chồng là anh Vũ Đình Chúc thường xuyên ốm, đau. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo đã nộp biên lai nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, thể hiện sự ăn năn hối cải.

Bị cáo Lê Thị T đã tự giác giao nộp số tiền 1.720.000 đồng. Trong quá trình điều tra, bị cáo phát hiện tội phạm đã tố giác với Công an xã Pa Cheo, huyện Bát Xát giúp cơ quan Công an bắt giữ và khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với 01 đối tượng về hành vi “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; Tham gia nhiều hoạt động thiện nguyện, ủng hộ nhiều vật chất để giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo đã nộp biên lai nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, thể hiện sự ăn năn hối cải.

Bị cáo Lê Thị Đ đã nhận được số tiền 76.000.000 giao nộp cho Công an xã, đã trả lại số tiền này cho người bị rơi. Bị cáo tự giác giao nộp số tiền 79.200.000 đồng trong quá trình điều tra. Bị cáo phát hiện tội phạm đã tố giác với Công an xã P, huyện B giúp cơ quan Công an bắt giữ và khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với 01 đối tượng về hành vi “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo đã nộp biên lai nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, thể hiện sự ăn năn hối cải.

Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt là phù hợp. Đối với nội dung kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận một phần nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Bùi Thị C, Lê Thị T, Lê Thị Đ.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2025/HS-ST ngày 06/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện V, (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 8), tỉnh Lào Cai về phần hình phạt đối với các bị cáo Bùi Thị C, Lê Thị T, Lê Thị Đ như sau:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 54, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Lê Thị T 02 (hai) năm tù; Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án, khấu trừ cho bị cáo thời hạn tạm giữ từ ngày 19/12/2024 đến ngày 28/12/2024.

+ Xử phạt bị cáo Bùi Thị C 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án, khấu trừ cho bị cáo thời hạn tạm giữ từ ngày 19/12/2024 đến ngày 28/12/2024.

+ Xử phạt bị cáo Lê Thị Đ 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án, khấu trừ cho bị cáo thời hạn tạm giữ từ ngày 20/12/2024 đến ngày 28/12/2024.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Phòng PV06 CA tỉnh Lào Cai;
- CQTHAHS, CQCSĐT CA tỉnh Lào Cai;
- TAND, VKSND khu vực 8 - Lào Cai;
- Phòng THADS khu vực 8 - Lào Cai;
- Bị cáo (3);
- Lưu hồ sơ - AV.

Phùng Chí Thiện

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Phi Long

Trương Quyết Thắng

Phùng Chí Thiện